



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Tuần 14/2022

Tài liệu tham khảo phục vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Số: **05/BC-UBQGCĐS** Ngày 11 tháng 4 năm 2022 **LƯU HÀNH NỘI BỘ**

Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số gửi báo cáo chuyên đề tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối của Ủy ban Quốc gia và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương như sau:

THÀNH CÔNG ĐẾN TỪ CHIA SẺ

Báo cáo chuyên đề của cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số tuần này sẽ không tập trung báo cáo về các vấn đề lớn, cụ thể trong triển khai chuyển đổi số như các báo cáo tuần trước đây, mà kể lại những câu chuyện về chuyển đổi số Việt Nam.

Nếu như trước kia, khi nói về chuyển đổi số, chúng ta thường kể những câu chuyện của Mỹ, của Trung Quốc, của Nhật Bản hay của một quốc gia nào khác, thì nay, chúng ta kể về câu chuyện của chính mình, của những con người Việt Nam. Những câu chuyện đúc kết những cách làm hay, những thực tiễn tốt, những kinh nghiệm quý báu, có tính lan tỏa để các địa phương tham khảo, từ đó hiểu rõ và triển khai hiệu quả.

*Trong năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng trang web Câu chuyện chuyển đổi số của 63 tỉnh, thành phố tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn/> để sưu tầm, phổ biến các câu chuyện mà do chính lực lượng công nghệ tại địa phương kể lại. Mỗi một câu chuyện đều là sự nỗ lực bền bỉ trong cả năm của một địa phương, được thực tiễn kiểm chứng là hiệu quả có thể tham khảo nhân rộng. Các câu chuyện này cũng đã được biên tập và xuất bản thành cuốn sách **21 câu chuyện chuyển đổi số năm 2021**. Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ tổ chức Hội nghị hàng Quý để các Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của bộ, ngành chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số đúc kết từ thực tiễn.*



“Thành công đến từ chia sẻ” – Một vấn đề mới khó, ở chỗ này có thể đã được giải quyết ở một chỗ khác. Những câu chuyện giản dị về chuyển đổi số có thể tạo ra sức mạnh, là lời giải đột phá cho các vấn đề chuyển đổi số mà một bộ, một ngành, một địa phương đang gặp phải. Mỗi tổ chức, cá nhân góp một câu chuyện, chúng ta sẽ có một kho lời giải về chuyển đổi số Việt Nam. Mỗi câu chuyện đều làm rõ các vấn đề, cách làm hiệu quả, các bước triển khai, kết quả đạt được và bài học rút ra để các bộ, ngành, địa phương tham khảo.

Trong báo cáo chuyên đề tuần này, Bộ Thông tin và Truyền thông – cơ quan thường trực Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số xin giới thiệu 06 câu chuyện chuyển đổi số tiêu biểu tại các địa phương:

- Tại tỉnh Thừa Thiên - Huế với câu chuyện **Dịch vụ phản ánh hiện trường trên nền tảng Hue-S** giúp người dân phản ánh hiện trường nhanh hơn, thuận tiện hơn từ đó tăng mức độ hài lòng của người dân, củng cố niềm tin của người dân với Chính quyền.

- Tại tỉnh Lạng Sơn với câu chuyện về **Giải pháp ATM mềm** giải quyết vấn đề tiếp cận ATM tại các vùng miền núi, thôn, bản của Lạng Sơn; và câu chuyện **Tổ Công nghệ số cộng đồng** được coi là giải pháp đột phá để hình thành lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số tại các thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

- Tại thành phố Đà Nẵng với câu chuyện xây dựng **Kho dữ liệu dùng chung thành phố**, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ngành để phục vụ người dân, doanh nghiệp được tốt hơn, đồng thời tạo tiền đề đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu.

- Tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với câu chuyện xây dựng **Trợ lý ảo phục vụ cung cấp thông tin cho lãnh đạo**, giúp nhanh chóng tra cứu được số liệu kinh tế - xã hội của tỉnh theo cách mọi lúc, mọi nơi, 24/7.

- Tại tỉnh Thái Bình với câu chuyện triển khai **Sổ tay đảng viên điện tử** thể hiện sự thay đổi tư duy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và sinh hoạt tại các Đảng bộ, Chi bộ. Từng bước thay thế hình thức cung cấp thông tin truyền thống và nâng cao chất lượng học tập Nghị quyết trên môi trường mạng.

Do có phần hạn chế, báo cáo chỉ kể lại câu chuyện mang tính tóm lược nội dung chính. Nội dung cụ thể về các bước triển khai có thể truy cập vào trang web <https://t63.mic.gov.vn/> hoặc cuốn sách **21 câu chuyện chuyển đổi số năm 2021** đã xuất bản.



1. Dịch vụ Phản ánh hiện trường trên nền tảng “Hue-S”

Tác giả: Nguyễn Xuân Sơn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên - Huế

Trước kia, ở tỉnh Thừa Thiên - Huế, để phản ánh một vấn đề với Chính quyền, người dân phải thực hiện nhiều thủ tục tại các cơ quan chức năng. Nhiều trường hợp phải đi lòng vòng rất nhiều thời gian và công sức. Việc này đã tạo ra tâm lý ngại phản ánh. Trong khi các cơ quan chức năng vất vả trong quá trình xử lý. Thời gian giải quyết các đơn thư phản ánh của người dân vì thế đa số đều rất chậm trễ.

Xuất phát từ thực tế này, từ năm 2018, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng nền tảng Hue-S, ban đầu là cung cấp dịch vụ xử lý phản ánh hiện trường của người dân, sau mở rộng thêm các chức năng khác. Từ khi Hue-S được triển khai, hầu hết tất cả các ý kiến, nguyện vọng, bức xúc của người dân đều được chính quyền tiếp nhận, xử lý.

Trên ứng dụng di động Hue-S, người dân có thể gửi phản ánh gồm nội dung và đính kèm hình ảnh hoặc video mô tả. Sau khi gửi phản ánh, người dân có thể giám sát được quá trình xử lý phản ánh của các cơ quan, đơn vị và đánh giá mức độ hài lòng với kết quả xử lý. Nếu kết quả xử lý chưa thực sự phù hợp, người dân có thể tương tác, phản biện lại.

Một quy trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để trong suốt, minh bạch hóa quá trình xử lý. Trong đó, quy định tổng thời gian tối đa xử lý phản ánh hiện trường trong vòng 07 ngày làm việc. Đối với các phản ánh phải thực hiện quy trình xử phạt vi phạm hành chính, thời gian xử lý thực hiện theo các văn bản quy định và các hướng dẫn cụ thể của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Sau 3 năm triển khai, số lượng người dùng nền tảng Hue-S đến nay là 867.598 tài khoản, số phản ánh đã được tiếp nhận xử lý đạt 50.111 phản ánh, tỉ lệ xử lý đạt 97,1%, thời gian xử lý các vụ việc được rút ngắn từ 60% đến 70% so với trước, tỷ lệ hài lòng của người dân: 56,8% hài lòng, 18,6% chấp nhận, 24,6% không hài lòng; số cơ quan, đơn vị tham gia hệ thống xử lý phản ánh là 227; tổng số tiền đã xử phạt là 3.098.490.000 đồng.

Từ thành công của dịch vụ Phản ánh hiện trường ban đầu, đến nay Hue-S đã được mở rộng, tích hợp thêm nhiều dịch vụ đô thị thông minh và chính quyền số, bao gồm các dịch vụ: Thông báo cảnh báo; Giáo dục đào tạo; Chống bão lụt; Chống dịch bệnh; Taxi; Dịch vụ thiết yếu; Y tế sức khỏe; Giao thông, di chuyển; Dịch vụ du lịch; Môi trường, tài nguyên; Quy hoạch đất đai; Cảnh báo cháy và phân hệ Chính quyền số.



Trong quá trình triển khai dịch vụ Phản ánh hiện trường trên nền tảng Hue-S, một số bài học kinh nghiệm được rút ra như sau:

- Ngay từ ban đầu, Hue-S được xây dựng từ cách tiếp cận lấy người dân làm trung tâm. Các cơ quan chức năng lắng nghe, tôn trọng xử lý kịp thời mọi ý kiến phản ánh của người dân. Quan điểm chỉ đạo tiên quyết được Lãnh đạo tỉnh đưa ra để đảm bảo sự thành công là **“Biến mỗi phản ánh của người dân thành ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch tỉnh”**.

- Quy trình hóa và tuân thủ nghiêm việc thực hiện có giám sát là yếu tố quyết định thành công. Tránh được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cũng như vai trò giám sát của người dân được thể hiện cụ thể. UBND tỉnh cũng vận dụng cơ chế, chính sách về chế độ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo để bồi dưỡng, khuyến khích, động viên đối với các nhân viên xử lý phản ánh hiện trường.

- Cơ chế ủy quyền, thừa lệnh thực hiện của Chủ tịch UBND tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông góp phần quan trọng trong việc điều phối và vận hành Hue-S.

- Khi người dân đã quen với việc phản ánh hiện trường và sử dụng các dịch vụ qua nền tảng Hue-S, cũng có nghĩa là chính quyền phải ứng dụng công nghệ để thay đổi và quản trị sự thay đổi. Thay đổi quy trình, quy định, thay đổi nhận thức, tư duy và thay đổi cách làm, hành vi để đáp ứng, theo kịp yêu cầu của người dân.

- Triển khai thành công Hue-S là minh chứng cho việc khi chuyển đổi số lấy người dân làm trung tâm, thì chuyển đổi số sẽ phát huy hiệu quả, tăng niềm tin yêu của người dân với chính quyền. Khi dân đã tin, đã dùng, thì làm việc gì cũng dễ, chuyển đổi số cũng trở thành việc dễ.

2. Giải pháp ATM mềm tỉnh Lạng Sơn

Tác giả: Nguyễn Khắc Lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn

Lạng Sơn là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn do địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, dân cư không tập trung, với địa giới hành chính gồm 200 xã. Trên địa bàn tỉnh, số lượng điểm ATM do các ngân hàng triển khai rất ít và hầu hết tập trung tại địa bàn thành phố và trung tâm huyện.

Mỗi lần cần rút tiền, chuyển tiền, người dân và giáo viên tại các xã, điểm trường thôn, bản ở Lạng Sơn phải đi quãng đường hàng chục ki-lô-mét đường rừng để ra trung tâm huyện. Mỗi huyện có từ 1 đến 2 cây ATM. Đi cả quãng đường xa, đến nơi đã ít cây ATM, mà có khi ATM lại hết tiền hoặc bị trục trặc. Hiện trạng này không chỉ diễn ra một đôi lần, mà kéo dài nhiều năm. Làm sao để người dân và các giáo viên thoát khỏi cảnh vất vả này và mong muốn mỗi xã có ít nhất 01 cây ATM là nỗi suy tư của các đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh Lạng Sơn.



Từ thực tế của tỉnh có 200 xã, thị trấn, kinh phí đầu tư mỗi cây ATM khoảng 500 triệu đồng, chi phí duy trì 200 triệu đồng/cây/năm, như vậy cần 300 tỷ đồng để có 200 cây ATM duy trì trong 5 năm. Con số đầu tư quá lớn. Chưa kể, về mặt thời gian, xin phép đầu tư 01 cây ATM mất 2 năm có khi chưa được duyệt, để triển khai 200 cây thì thời gian là quá lâu.

Bắt nguồn những khó khăn từ thực tiễn và nhu cầu cấp thiết của người dân, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn đã xác định cần phải chuyển đổi số cho ATM. Giải pháp ATM mềm ứng dụng trên nền tảng số ra đời, cho phép người dân sử dụng ứng dụng ngân hàng di động MB-Bank (của ngân hàng MB) để nạp/rút tiền từ các ngân hàng tại các điểm Bưu điện văn hóa xã trên toàn tỉnh.

Người dân muốn rút tiền có thể dùng điện thoại di động thông minh và thực hiện các thao tác đơn giản từ App MB-Bank, mở tài khoản bằng eKYC (phương thức xác thực, định danh người dùng từ xa, không cần người dân đến ngân hàng), liên kết ngân hàng thẻ ATM của ngân hàng bất kỳ (ngân hàng thuộc nhóm 40 ngân hàng đã liên kết với ngân hàng MB) vào ứng dụng và nạp tiền, khi muốn rút tiền thì tạo mã rút tiền, tại điểm Bưu điện văn hóa xã nhân viên sẽ quét mã rút tiền, kiểm tra thông tin khách hàng và xuất tiền.

Từ tháng 12 năm 2021 đến nay, giải pháp ATM mềm đã chính thức được tỉnh Lạng Sơn đưa vào vận hành, cung cấp dịch vụ tại 68 điểm Bưu điện văn hóa xã. Việc nạp/rút tiền của người dân vô cùng thuận tiện, không cần phải di chuyển khoảng cách quá xa để đến được cây ATM truyền thống. Ngoài ra, người dân có thể sử dụng tất cả tiện ích, dịch vụ trên App MB-Bank để phục vụ nhu cầu thanh toán phí, chuyển tiền hằng ngày một cách an toàn, tiện lợi.

Chuyển đổi số cho ATM tại điểm Bưu điện văn hóa xã có người phục vụ góp phần giải quyết khó khăn cho hàng trăm ngàn người dân vùng nông thôn và 20.000 giáo viên có tài khoản điện tử không phải đi hàng chục ki-lô-mét đường rừng, núi để rút tiền; thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4, phát triển kinh tế số nông nghiệp nông thôn. Việc mở rộng triển khai ATM mềm 200/200 xã còn giúp tỉnh dự kiến tiết kiệm được 300 tỷ đồng trong 05 năm kinh phí đầu tư, triển khai, duy trì; đồng thời, góp phần triển khai có hiệu quả chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, tạo thói quen sử dụng tài khoản thanh toán cho người dân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Câu chuyện về ATM mềm tại tỉnh Lạng Sơn cho thấy chuyển đổi số không phải chỉ bắt nguồn từ tầm vĩ mô, từ những vấn đề lớn lao mà chuyển đổi số bắt nguồn từ những vấn đề, những nỗi đau của người dân trong cuộc sống hằng ngày; những vấn đề khó nhưng nếu thay đổi tư duy, thay đổi cách làm một cách phù hợp thì việc khó có thể trở thành việc dễ.



3. Trợ lý ảo phục vụ cung cấp thông tin cho lãnh đạo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tác giả: Lê Văn Tuấn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bà Rịa – Vũng Tàu đang trong giai đoạn hoàn thiện Chính quyền điện tử, từng bước chuyển sang Chính quyền số - Chính quyền được xây dựng, phát triển, vận hành theo hướng dựa trên dữ liệu và công nghệ số, giúp cung cấp dịch vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp ngày một tốt hơn, đưa ra quyết định nhanh chóng, kịp thời và chính xác hơn.

Dù tỉnh đã tích cực đẩy mạnh phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ báo cáo kinh tế - xã hội và quản lý chuyên ngành. Tuy nhiên, triển khai thực tế cho thấy số liệu kinh tế - xã hội của một tỉnh trải rộng trên nhiều lĩnh vực, số liệu đa dạng, việc tra cứu thường rất mất thời gian, kể cả đã có các phần mềm quản lý và các dashboard hiển thị các chỉ tiêu, số liệu. Mặt khác, để thao tác, thực hiện khai thác các dữ liệu một cách hiệu quả cần có kiến thức công nghệ thông tin nhất định, điều này cũng không dễ dàng đối với lãnh đạo không chuyên về công nghệ thông tin, nhất là các chỉ tiêu, số liệu chuyên ngành.

Do đó, ý tưởng về giải pháp trợ lý ảo ra đời để xử lý các khó khăn trên cơ sở tận dụng thế mạnh của công nghệ AI, giúp đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, công chức nhanh chóng tra cứu được số liệu kinh tế - xã hội của tỉnh theo cách mọi lúc, mọi nơi, 24/7. Việc tra cứu được thực hiện thông qua hỏi - đáp sử dụng ngôn ngữ tự nhiên tiếng Việt, với độ chính xác về ngôn ngữ cao (trên 95%).

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành xây dựng hơn 4.000 câu hỏi, kịch bản mẫu để gợi ý cho trợ lý ảo trả lời trên các lĩnh vực: giáo dục (gồm cấp sở, huyện và cụ thể cho các trường); y tế (gồm câu hỏi tổng hợp phục vụ quản lý và câu hỏi chi tiết về tình hình bệnh nhân, bệnh viện); kinh tế - xã hội (gồm các câu hỏi về chỉ tiêu kinh tế xã hội theo yêu cầu báo cáo của tỉnh, Chính phủ); hành chính công (các câu hỏi liên quan đến tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính).

Đã tạo 150 tài khoản cho các thành viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, lãnh đạo các huyện thị, thành phố. Sau quá trình thử nghiệm sẽ mở rộng ra toàn bộ đội ngũ công chức.

Hiện tại, hệ thống đã ghi nhận tổng cộng trên 6.000 câu hỏi từ người dùng. Trong đó hệ thống phản hồi, đáp ứng đúng yêu cầu đạt khoảng 90%.

Trợ lý ảo được kết nối và sử dụng dữ liệu từ Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đây là dữ liệu được tự động lấy từ các hệ thống tại đơn vị; tự động tổng hợp số liệu báo cáo theo từng lĩnh vực. Số liệu báo cáo có sẵn và



mới nhất, giúp các đội ngũ lãnh đạo, công chức có thể cập nhật thông tin mới nhất để đưa ra các quyết định kịp thời.

4. Kho dữ liệu dùng chung thành phố Đà Nẵng

Tác giả: Trần Ngọc Thạch, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng

Chuyên đổi số thì quan trọng nhất là kết nối dữ liệu. Kết nối thì cần vai trò của người điều phối, thúc đẩy, đồng hành, ở trung ương là Bộ Thông tin và Truyền thông, ở địa phương là các Sở Thông tin và Truyền thông.

Chuyên đổi số là sử dụng công nghệ số và dựa trên dữ liệu số. Tại thành phố Đà Nẵng, trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai chính quyền điện tử đã hình thành một số cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu hiện có tồn tại rải rác, không đầy đủ, chưa đảm bảo chất lượng và tính duy nhất, không được chia sẻ để sử dụng chung cho toàn thành phố. Kho dữ liệu dùng chung được xây dựng để giải quyết vấn đề này, đồng thời thực hiện chức năng thu nhận ngay dữ liệu số của các ứng dụng xây mới, phát sinh mới để bảo đảm tập hợp, sử dụng dữ liệu số được quy củ trong thời gian đến.

Từ năm 2020, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành nghiên cứu, hình thành nền tảng Kho dữ liệu dùng chung (giai đoạn 1) tổng quát, linh hoạt, có khả năng thu nhận, hợp nhất dữ liệu đến từ nhiều nguồn, hỗ trợ làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu để phân tích, xử lý dữ liệu lớn, ra quyết định dựa trên dữ liệu; cũng như là đầu mối duy nhất chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng, cung cấp dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp.

Kết quả đạt được đến nay như sau:

- Đã tích hợp về Kho dữ liệu dùng chung 9 nguồn dữ liệu: CSDL công dân; CSDL nhân, hộ khẩu; CSDL doanh nghiệp; CSDL bảo hiểm xã hội; CSDL cấp phép xây dựng; CSDL cấp phép lái xe; CSDL du lịch; CSDL đất đai; CSDL môi trường. Chi tiết: 112 bảng dữ liệu; 1.149 trường dữ liệu; 7.669.915 bản ghi.

- Đã xây dựng 58 chuẩn, 252 quy tắc dữ liệu (ví dụ: CMND/CCCD chỉ có 9 số hoặc 12 số; mã quốc gia theo TCVN 7217-1: 2007; mã đơn vị hành chính theo quy chuẩn 124/2004/QĐ-TTg;...).

- Thông qua bộ lọc dữ liệu đã phát hiện khoảng 10% bản ghi dữ liệu không đáp ứng quy tắc dữ liệu. Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các cơ quan chủ quản nguồn dữ liệu để làm sạch dữ liệu và đưa vào Kho dữ liệu chuẩn hóa.

Trên cơ sở Kho dữ liệu được làm sạch, chuẩn hóa, các cơ quan, địa phương đã tích cực khai thác, sử dụng để cung cấp dịch vụ số, tạo ra giá trị mới.



Thành phố Đà Nẵng đã triển khai thí điểm sử dụng dữ liệu điện tử (CSDL đất đai, CSDL nhân hộ khẩu, CSDL doanh nghiệp) để thay thế thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải nộp tại hầu hết các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp quận, phường.

Thành phố Đà Nẵng cũng đã phân tích, khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 chủ động, hiệu quả như khai thác CSDL bảo hiểm xã hội, CSDL doanh nghiệp để cấp Giấy đi đường QRCode; phân tích dữ liệu khai báo y tế để biết, cảnh báo sớm người có nguy cơ (ho, sốt, người về từ vùng dịch, tiếp xúc với F0)...

Từ Kho dữ liệu, đã hỗ trợ phân tích dữ liệu kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ra quyết định của lãnh đạo thành phố, đặc biệt là trong phòng, chống dịch COVID-19 vừa qua. Từ đó góp phần nâng cao sự tin tưởng của lãnh đạo các cấp địa phương về tính hiệu quả của dữ liệu số, tạo thói quen xây dựng và chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan, đơn vị.

Từ Kho dữ liệu, thành phố Đà Nẵng đã mở dữ liệu của cơ quan nhà nước; đến nay đã cung cấp gần 600 dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp khai thác thông qua API, SMS, Zalo, Web.

Tinh thần xuyên suốt trong câu chuyện này là sự thống nhất về nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố: dữ liệu được tạo ra trong quá trình hoạt động của cơ quan nhà nước là tài sản thuộc sở hữu của nhà nước, không phải của riêng cơ quan/cá nhân nào. Do đó, dữ liệu phải được chia sẻ, sử dụng dùng chung giữa các cơ quan nhà nước trên cơ sở đặt người dân, doanh nghiệp vào vị trí trung tâm để phục vụ tốt hơn. Coi chất lượng dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp là đầu ra, là “giá trị” của dữ liệu số.

5. Số tay đảng viên điện tử tỉnh Thái Bình

Tác giả: Đỗ Như Lâm, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Bình

Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông tỉnh Thái Bình đã trở thành môi trường làm việc số quen thuộc và hữu ích đối với tất cả cán bộ đảng viên đang công tác trong các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

Tuy nhiên, đối với lực lượng lớn các cán bộ, đảng viên (chiếm tỷ lệ trên 50%) đã về hưu hoặc đang sinh hoạt tại các chi bộ nông thôn, tổ dân phố tại 260 xã phường, thị trấn và các đảng viên trong khối doanh nghiệp trên toàn tỉnh, thì làm thế nào để kịp thời cung cấp và trao đổi thông tin một cách chính thống, thuận tiện nhất góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng tại cơ sở, thực sự trở thành lực lượng trực tiếp tuyên truyền cung cấp thông tin tới các tầng lớp nhân dân là trăn trở đặt ra đối với người đứng đầu một tỉnh.



Đó là yếu tố then chốt thúc Ban Thường vụ tỉnh ủy quyết định xây dựng và đưa vào triển khai phần mềm “Sổ tay đảng viên điện tử” tỉnh Thái Bình.

Phần mềm “Sổ tay đảng viên điện tử” được xây dựng cả trên môi trường web dành cho quản trị (cấp ủy các cấp) và trên nền tảng di động để các đảng viên có thể cài đặt, sử dụng mọi lúc, mọi nơi. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuyển văn bản thành giọng nói trong việc cung cấp thông tin tới đảng viên, phục vụ các đảng viên cao tuổi và trợ lý ảo hỗ trợ tìm kiếm thông tin. Phần mềm cũng được cá nhân hoá giao diện, tăng tính tương tác, hướng đến đối tượng người dùng.

Trước khi đưa vào triển khai diện rộng trong phạm vi toàn Đảng bộ tỉnh, phần mềm “Sổ tay đảng viên điện tử” được triển khai thử nghiệm từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2021 với 06 đảng bộ và 40 chi bộ.

Các đảng uỷ được lựa chọn tiến hành họp và triển khai các văn bản của Tỉnh uỷ về công tác thực hiện thí điểm phần mềm cho các đồng chí đảng uỷ viên, ban chi uỷ của các chi bộ, phân công nhiệm vụ cho đồng chí đảng uỷ viên phụ trách hướng dẫn cho các chi bộ tổ chức thực hiện.

Trong giai đoạn triển khai mở rộng từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trưng dụng 29 cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị để giúp việc Ban Quản lý đề án; thành lập 7 đoàn tham gia triển khai phần mềm tại các huyện, thành phố; tổ chức triển khai giảng thử, rút kinh nghiệm, biên soạn nội dung giáo án để triển khai diện rộng trong toàn tỉnh.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, song trong khoảng thời gian ngắn (25 ngày) các đoàn đã hoàn thành khối lượng công việc lớn với gần 300 lớp tập huấn với trên 50.000 học viên. Đến nay, tổng số đảng viên cập nhật trên phần mềm là trên 100.000 đảng viên, sinh hoạt tại trên 5.000 chi bộ. Đối với các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh ủy, 100% các tổ chức cơ sở đảng đã triển khai đến đảng viên, trên 95% đảng viên sử dụng thành thạo phần mềm, thường xuyên ứng dụng phần mềm trong công tác sinh hoạt đảng định kỳ hằng tháng. Theo báo cáo của các huyện, thành phố, đến nay có trên 70% đảng viên thuộc đảng bộ các xã, phường, thị trấn khai thác, sử dụng phần mềm.

Phần mềm được triển khai bước đầu đã có hiệu quả rõ rệt về thay đổi tư duy lãnh đạo, chỉ đạo và sinh hoạt tại các đảng bộ, chi bộ. Với những chức năng được xây dựng, phần mềm từng bước thay thế hình thức cung cấp thông tin truyền thống, đổi mới hình thức và nâng cao chất lượng học tập Nghị quyết trên môi trường mạng. Đảng viên được trực tiếp nghe các đồng chí báo cáo viên từ cơ quan trung ương, lãnh đạo tỉnh, báo cáo viên cấp tỉnh trình bày nội dung các Nghị quyết, Văn kiện của Đảng. Kết quả triển khai thí điểm việc học tập Nghị quyết trên phần mềm cho thấy hình thức này rất phù hợp trong tình hình dịch bệnh Covid 19.



Nếu như trước đây đến kỳ sinh hoạt, đảng viên mới được tiếp cận thông tin, văn bản từ Bản tin nội bộ của tỉnh, của huyện thì hiện nay khi ứng dụng phần mềm đảng viên được tiếp cận thông tin sớm hơn, chủ động tham gia đóng góp xây dựng Nghị quyết của chi bộ trước và trong cuộc họp từ đó, góp phần rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Bên cạnh các thông tin chính luận, thời sự, phần mềm thu hút sự quan tâm của cán bộ đảng viên qua việc cung cấp các thông tin hữu ích về sức khỏe, đời sống, văn nghệ, thể thao, xây dựng nông thôn mới, điềm đến cuối tuần... Ứng dụng trở thành món ăn tinh thần hằng ngày không thể thiếu đối với cán bộ đảng viên. Tới đây, nếu triển khai triệt để sẽ tiết kiệm đáng kể chi phí in ấn bản tin nội bộ của tỉnh và của huyện, cắt giảm chi phí hội họp, học tập triển khai Nghị quyết.

6. Tổ Công nghệ số cộng đồng tỉnh Lạng Sơn

Tác giả: Nguyễn Khắc Lịch, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn

Thực tế triển khai thời gian vừa qua cho thấy, chuyển đổi số chỉ thành công khi được người dân hiểu, hưởng ứng, tham gia, người dân trở thành công dân số, có các hoạt động được đưa lên môi trường số. Một số địa phương đã có những cách làm sáng tạo để giúp người dân chuyển đổi số, trong đó có sáng kiến thành lập “Tổ công nghệ số cộng đồng” tại tỉnh Lạng Sơn.

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành Quyết định thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng. Trong đó, mỗi thôn, bản, tổ dân phố có thể thành lập 01 Tổ công nghệ số cộng đồng; mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng có thể gồm Trưởng thôn/bản, Tổ trưởng tổ dân phố và 02 nhân sự (khuyến nghị có sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, có tư duy muốn chấp nhận và thử nghiệm cái mới, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số, có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các doanh nghiệp công nghệ số bồi dưỡng, tập huấn Tổ Công nghệ số cộng đồng về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyên giao hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số (ví dụ: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gian hàng số, sàn thương mại điện tử, thanh toán điện tử, nền tảng trợ lý ảo, số sức khỏe điện tử, các nền tảng công nghệ phòng, chống dịch và các nội dung khác theo từng thời kỳ).



Đến tháng 12 năm 2021, Lạng sơn đã thành lập được 1.702 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 6.214 người tham gia tại 200/200 xã thuộc 11 huyện trong toàn tỉnh. Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống; người dân được tiếp cận công nghệ theo cách đơn giản, tự nhiên, xuất phát từ nhu cầu và tạo ra giá trị thiết thực.

Một trong những thành công của Tổ Công nghệ số cộng đồng Lạng sơn là hỗ trợ nông dân lên sàn thương mại điện tử. Từ 200 cửa hàng số ban đầu, Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt phát triển được hơn 116.000 cửa hàng số, đạt 60% số hộ gia đình có cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử, doanh thu tăng gần 200 lần.

Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng mang tính huy động sức mạnh toàn dân, ở gần dân, sát dân và là cánh tay nối dài của Ủy ban chuyển đổi số quốc gia, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh. Nếu triển khai thành công mô hình này tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, sẽ có thêm lực lượng hàng trăm nghìn người tham gia vào triển khai Chuyển đổi số từ cấp trung ương tới tận cấp xã, phường, thị trấn.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG